TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2022/DS - PT
Ngày: 10/9/2022
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS – ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2022/QĐ – PT ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Hoàng H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 267/50 ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Hoàng H:* Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2021)

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thái Thụy H1, sinh năm 1974;

Đăng ký thường trú: Số nhà 257/62 ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: Căn hộ B608 Chung cư T, phường T, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thái Thụy H1:* Ông Phạm Bính K, sinh năm 1976; (có mặt)

Đăng ký thường trú: Số nhà 88, đường H, phường M, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 11/15 đương N, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 07/06/2022)

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976;

Đăng ký thường trú: Số nhà 257/62 ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ hiện nay: Căn hộ B608 Chung cư T, phường T, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D:* Bà Trương Thị X, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Đăng ký thường trú: Số nhà 01Đ/1 ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 51/1 đường B, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 20/03/2021).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Huỳnh Thái Thụy H1, Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Cao Thị Hoàng H trình bày:

Vào ngày 02 tháng 9 năm 2020 (âm lịch), bà có cho bà Huỳnh Thái Thụy H1 và ông Nguyễn Văn D vay số tiền 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), không tính lãi. Khi vay tiền, bà H1 nói vay tiền để trả tiền đáo hạn ngân hàng, bà H1 hẹn một tháng (đến hết tháng 9/2020) sẽ trả đủ số tiền 1.350.000.000 đồng cho bà. Tuy nhiên, khi đến hạn bà H1, ông D không trả mà cứ hẹn nhiều lần đến nay vẫn không trả. Vì vậy nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Hoa số tiền vay còn nợ là 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 0,8/tháng kể từ ngày 02/11/2020 (âm lịch) đến khi Tòa án xét xử vụ án; đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Huỳnh Thái Thụy H1 trình bày:

Năm 2019 vợ chồng bà có vay của ngân hàng BIDV số tiền 1.300.000.000 đồng và có thế chấp cho ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất của vợ chồng bà. Đến năm 2020 bà muốn trả nợ ngân hàng nên được người quen giới thiệu gặp bà Cao Thị Hoàng H, bà H hứa sẽ giúp đỡ cho bà mượn tiền trả ngân hàng. Ngày 02/09/2020 (âm lịch) bà H kêu bà ký hợp đồng mượn tiền trước rồi sẽ đi cùng với bà H1 ra ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng mượn tiền, bà ra ngân hàng đợi bà H nhưng bà H không ra, cũng không liên lạc được. Sau đó bà phải vay tiền của em gái là Huỳnh Thái Thụy N để trả tiền ngân hàng. Do bà không có nhận tiền của bà H nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Trước đó ông có vay tiền của ngân hàng 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) nhưng ông và bà H1 đã vay tiền của em bà H1 là bà Huỳnh Thái Thụy N để trả. Ông không vay tiền của bà H, cũng như không biết bà H là ai nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Do ông không có vay tiền của bà H nên ông yêu cầu tòa án xem xét hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời (Phong tỏa tài sản) để ông được chuyển nhượng đất lấy tiền trả nợ cho bà N và những chủ nợ khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS – ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Hoàng H đối với bà Huỳnh Thái Thụy H1 và ông Nguyễn Văn D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Huỳnh Thái Thụy H1 và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Cao Thị Hoàng H số tiền tổng cộng là 1.544.400.000 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là là 1.350.000.000 đồng (Một tý ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 194.400.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ- BPKCTT ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Cụ thể:

- Phong tỏa quyền sử dụng thửa đất số 238, tờ bản đồ số 11, có diện tích sử dụng 2413,3m^2 tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Huỳnh Thái Thụy H1, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 đứng tên quyền sử dụng.

- Phong tỏa quyền sử dụng thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11, có diện tích sử dụng 2176,8m^2 tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Huỳnh Thái Thụy H1, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 đứng tên quyền sử dụng.

- Phong tỏa 1/2 (Một phần hai) quyền sử dụng thửa đất số 3189, tờ bản đồ số 2A, có diện tích 4667,0m^2 tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (Theo bản đồ chính quy thay đổi thành thửa đất số 91, tờ bản đồ số 11, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre) do bà Nguyễn Thị Lệ D và bà Huỳnh Thái Thụy H1, sinh năm 1974 đứng tên quyền sử dụng.

3. Bà Cao Thị Hoàng H được nhận lại tài sản bảo đảm là số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tại tài khoản phong tỏa số 7106401016264 ngày 17/02/2021 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phá triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Bến Tre kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/6/2022 bà Huỳnh Thái Thụy H1 kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu bác khởi kiện của nguyên đơn vì sự thật là bà chưa có nhận tiền của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn cho rằng nếu không chấp nhận kháng cáo của bà H1 thì yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, không tiến hành đối chất giữa các đương sự và xét xử vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu tính lãi tới ngày xét xử sơ thẩm lần 1 là ngày 18/4/2022 nhưng bản án sơ thẩm tính lãi đến ngày 14/6/2022 là vượt quá yêu cầu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bà H1, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/5/2021 của bà Cao Thị Hoàng H, bà H yêu cầu tỉnh lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, bản án sơ thẩm tính lãi đến ngày 14/6/2022 là phù hợp, không vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về việc cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất giữa các đương sự là không vi phạm tố tụng, bởi lẽ, theo quy định tại Điều 100 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đối chất khi các đương sự có yêu cầu hoặc xét thấy lời trình bày của các đương sự mâu thuẫn. Tuy nhiên, không có ai yêu cầu đối chất và thủ tục đối chất không phải là thủ tục bắt buộc nên cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng. Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Cao Thị Hoàng H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thái Thụy H1 và ông Nguyễn Văn D trả cho bà số tiền vay là 1.350.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn giao nộp là Hợp đồng mượn tiền đề ngày 02/9/2020 (âm lịch). Theo đó, bà H cho bà H1 vay số tiền 1.350.000.000 đồng, thời gian cho vay là ngày 02/9/2020 (âm lịch), bà H1 thỏa thuận sẽ trả cho bà H hoàn tất số tiền này một lần trong thời gian hết tháng 9/2020 (âm lịch). Bà H1 cho rằng mặc dù bà có ký "Hợp đồng mượn tiền" ngày 02/9/2020 (âm lịch) nhưng không có nhận tiền từ bà H do bà vay tiền để đáo hạn ngân hàng nhưng bà H không đến ngân hàng để giao tiền cho bà N đã hứa nên bà không có nhận tiền của bà H và không đồng ý khởi kiện của bà H. Ông D cho rằng không biết bà H, cũng không có vay tiền của bà H nên không đồng ý đối với khởi kiện của bà H.

[3] Căn cứ vào "Hợp đồng mượn tiền" ngày 02/9/2020 (âm lịch) được ký kết giữa bà Cao Thị Hoàng H (bên cho mượn tiền - Bên A) với bà Huỳnh Thái Thụy H1 (bên mượn tiền - Bên B) có nội dung thể hiện bà H1 vay của bà H số tiền 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), bên B sẽ hoàn trả đúng 01 lần trong thời gian hết tháng 9 âm lịch 2020 tính từ ngày làm hợp đồng. Bà H1 kháng cáo cho rằng không có nhận tiền của bà H nhưng hợp đồng thỏa thuận thời gian trả là hết tháng 9/2020 âl. Trước khi bà H khởi kiện cũng không có gì thể hiện bà H1 phản đối việc không giao tiền chứng tỏ rằng bà H1 đã có nhận tiền từ bà H. Do bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà H khởi kiện là có căn cứ. Về nghĩa vụ liên đới của ông D không có kháng cáo nên không xem xét, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thái Thụy H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS – ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Hoàng H đối với bà Huỳnh Thái Thụy H1 và ông Nguyễn Văn D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Huỳnh Thái Thụy H1 và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Cao Thị Hoàng H số tiền tổng cộng là 1.544.400.000 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là là 1.350.000.000 đồng (Một tý ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 194.400.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ- BPKCTT ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Cụ thể:

- Phong tỏa quyền sử dụng thửa đất số 238, tờ bản đồ số 11, có diện tích sử dụng 2413,3m^2 tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Huỳnh Thái Thụy H1, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 đứng tên quyền sử dụng.

- Phong tỏa quyền sử dụng thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11, có diện tích sử dụng 2176,8m^2 tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Huỳnh Thái Thụy H1, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 đứng tên quyền sử dụng.

- Phong tỏa 1/2 (Một phần hai) quyền sử dụng thửa đất số 3189, tờ bản đồ số 2A, có diện tích 4667,0m^2 tại xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (Theo bản đồ chính quy thay đổi thành thửa đất số 91, tờ bản đồ số 11, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre) do bà Nguyễn Thị Lệ D và bà Huỳnh Thái Thụy H1, sinh năm 1974 đứng tên quyền sử dụng.

3. Bà Cao Thị Hoàng H được nhận lại tài sản bảo đảm là số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tại tài khoản phong tỏa số 7106401016264 ngày 17/02/2021 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phá triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Bến Tre kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thái Thụy H1 và ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí là 58.332.000 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Cao Thị Hoàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.250.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004491 ngày 23/11/2020 và 1.755.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000858 ngày 28/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thái Thụy H1 phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006981 ngày 30/6/2022 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng